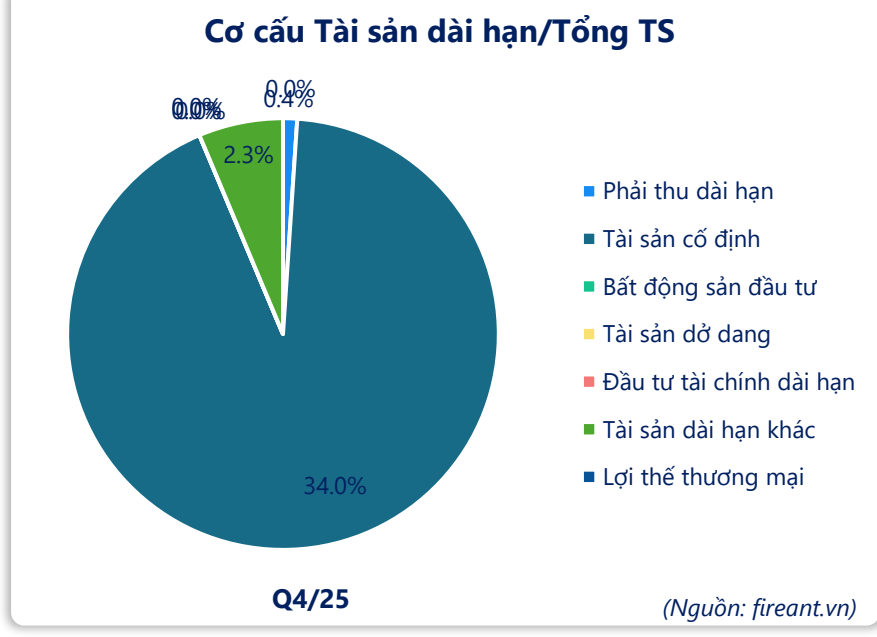
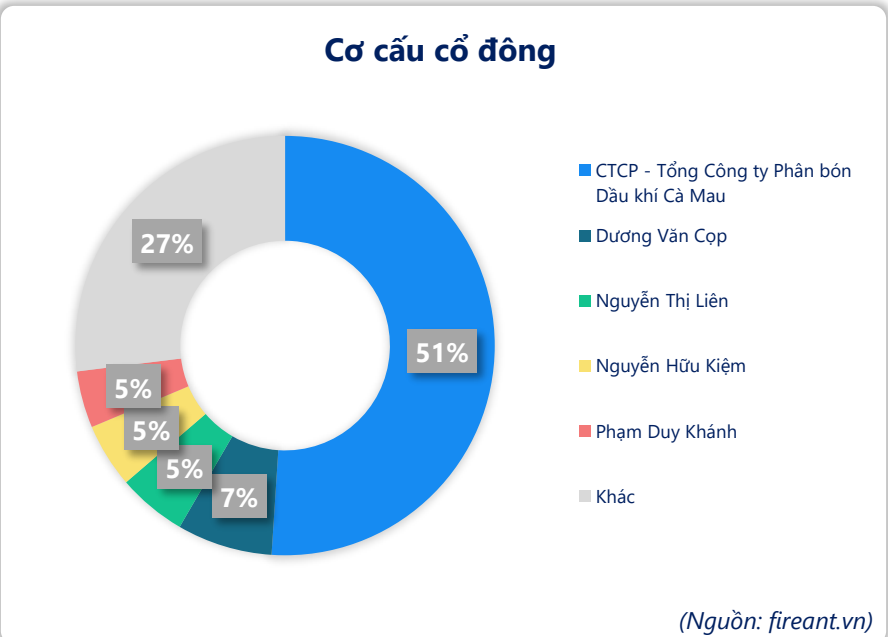
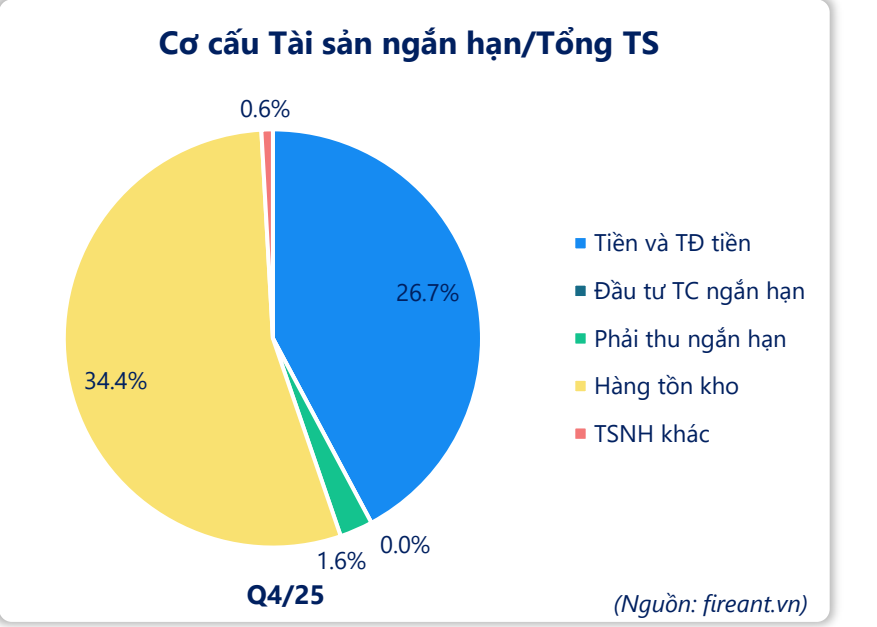
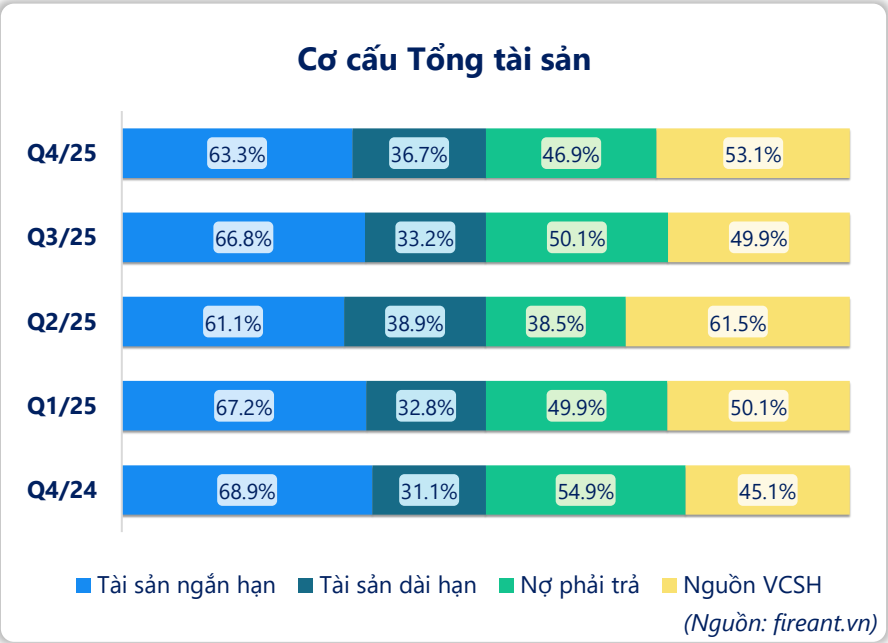
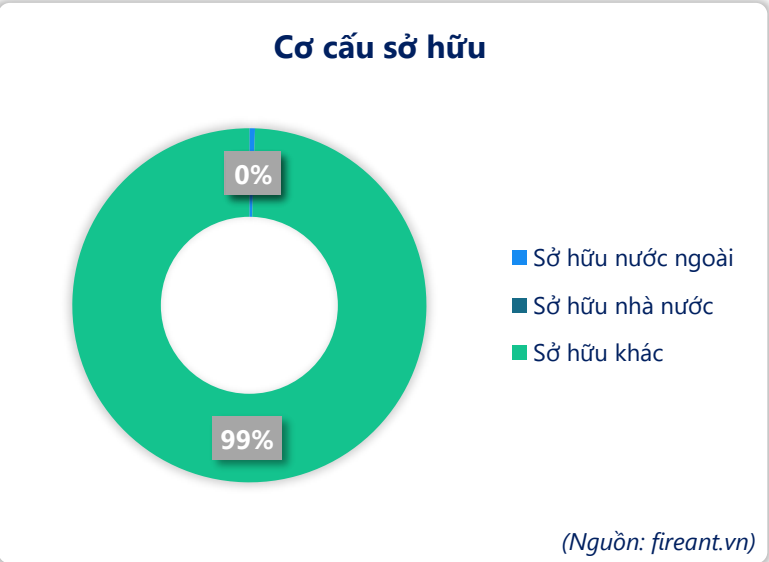
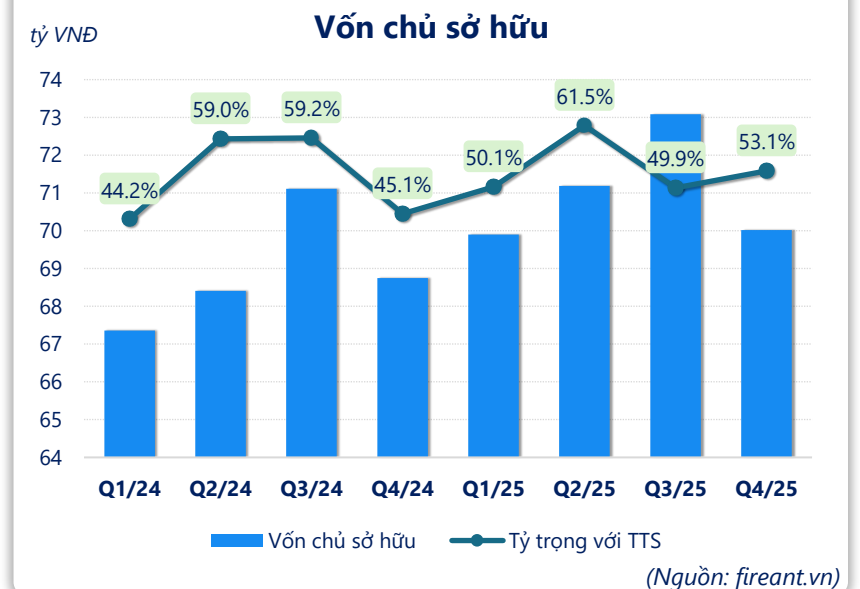
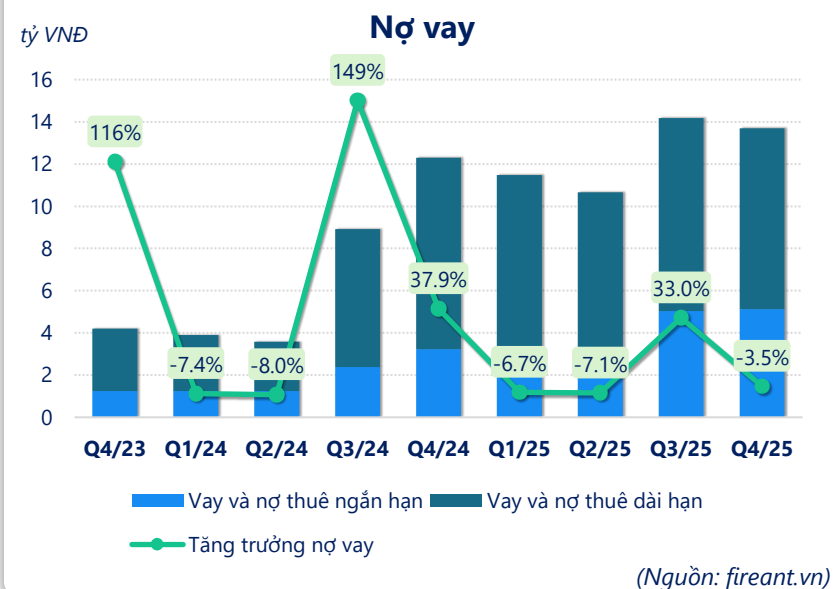
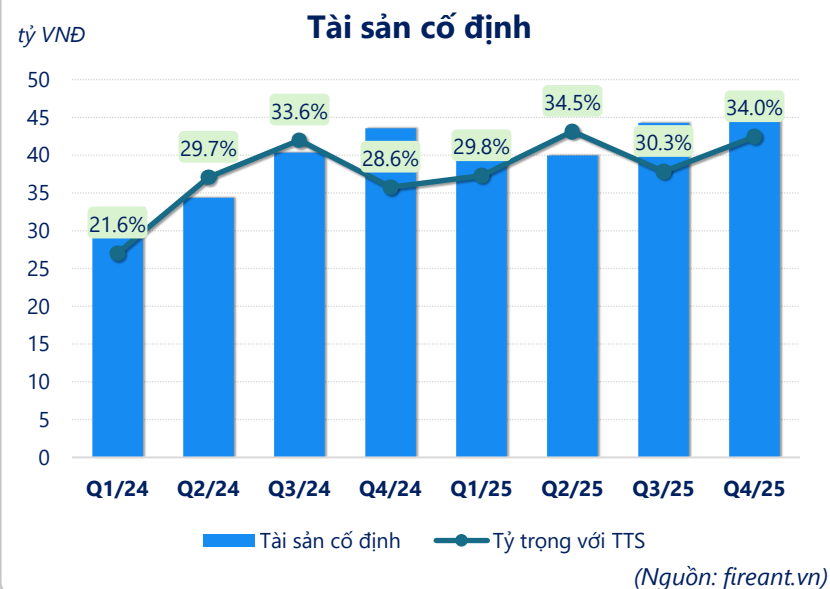
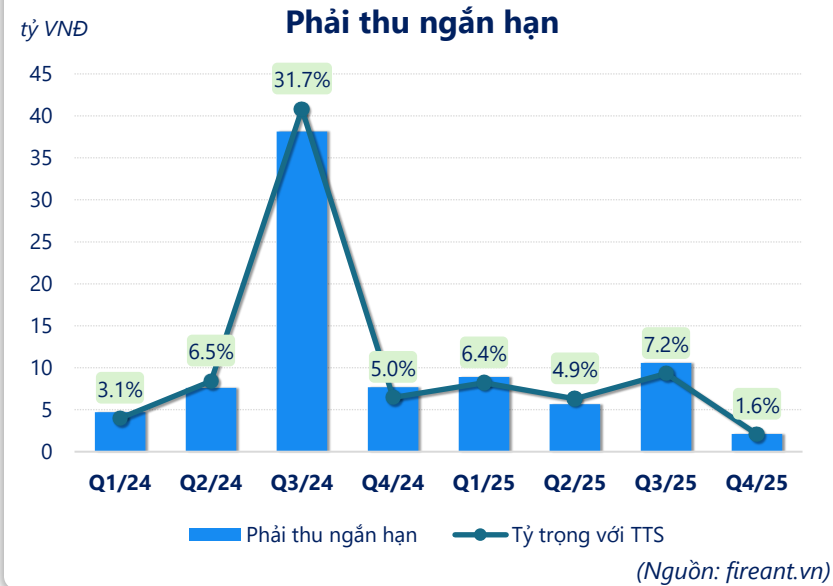
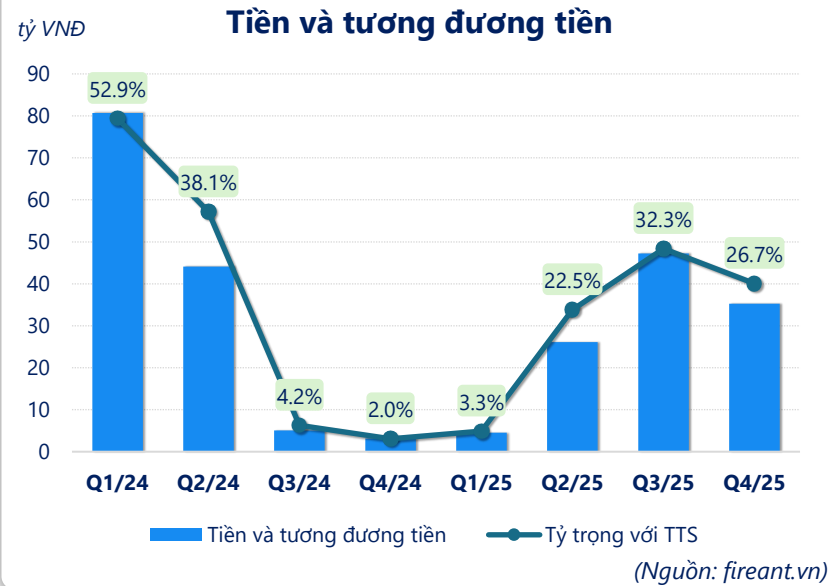
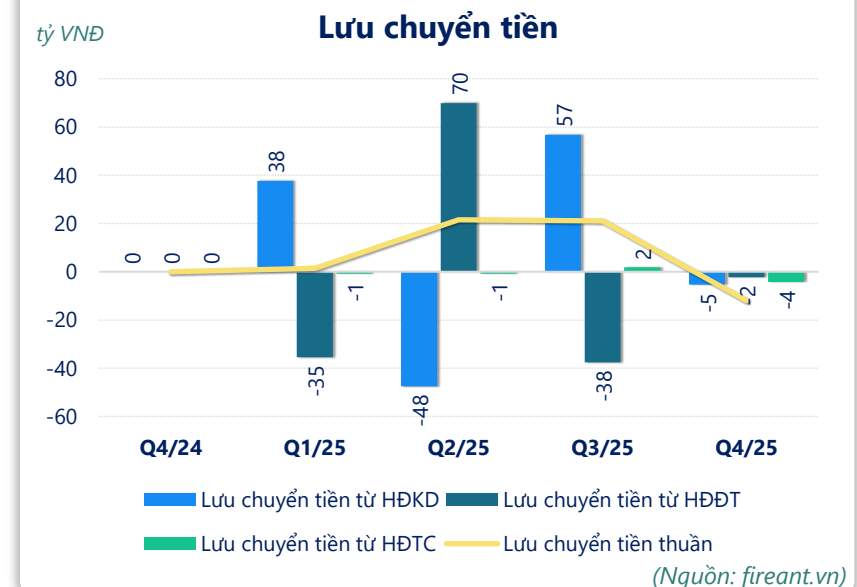
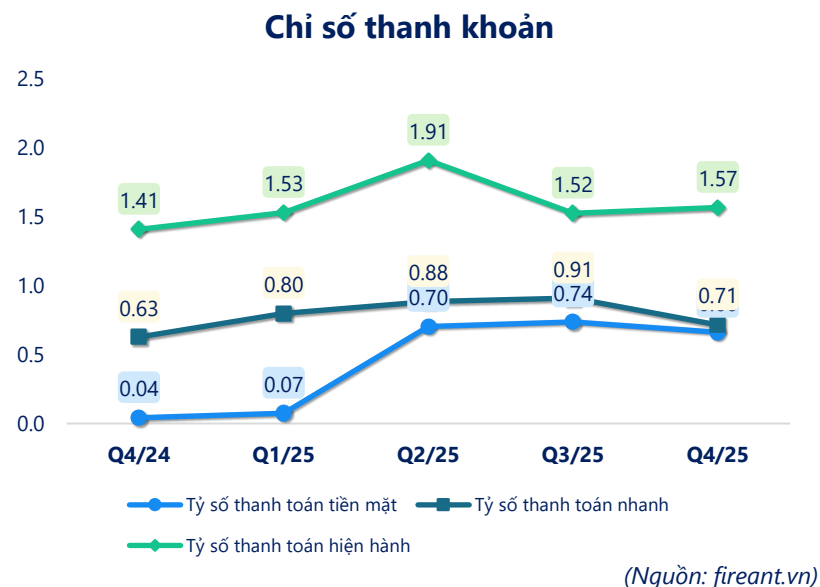
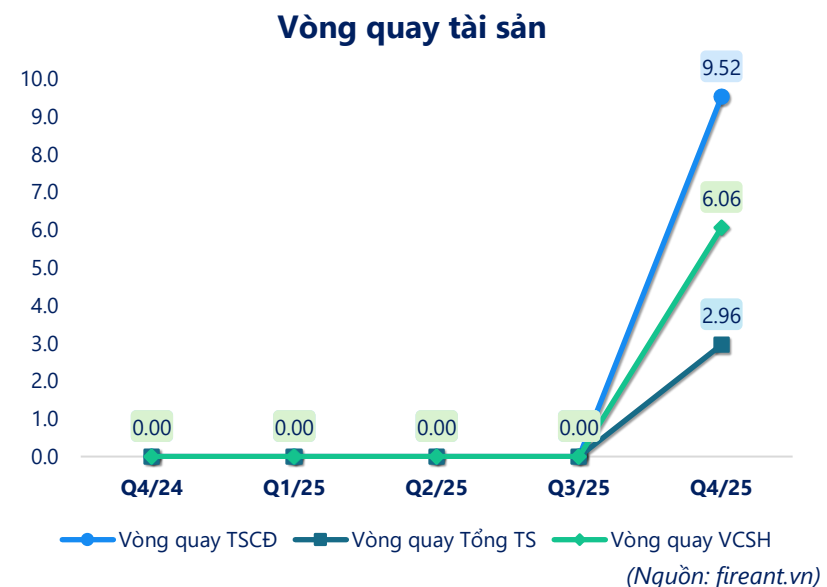
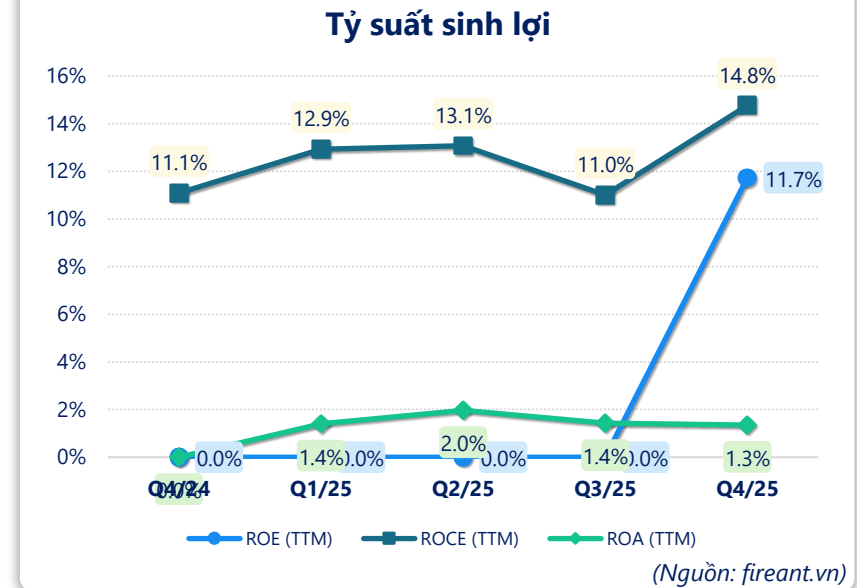
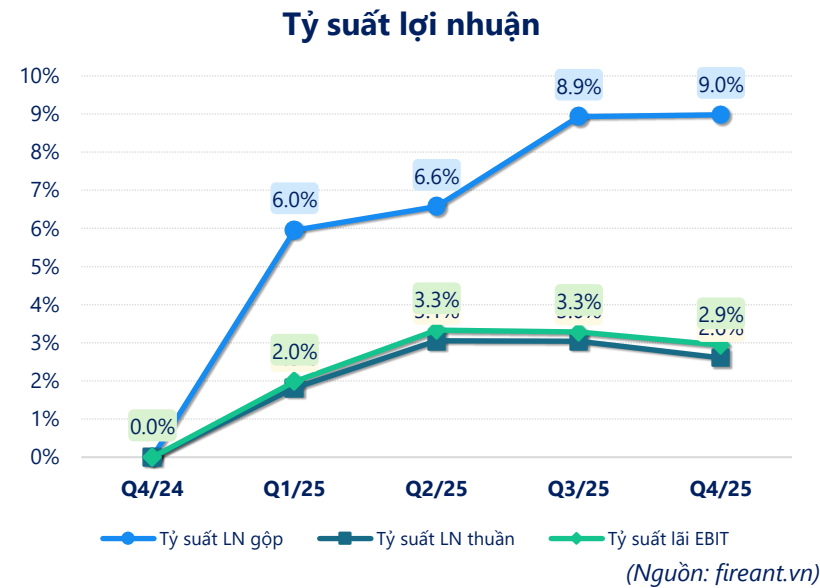
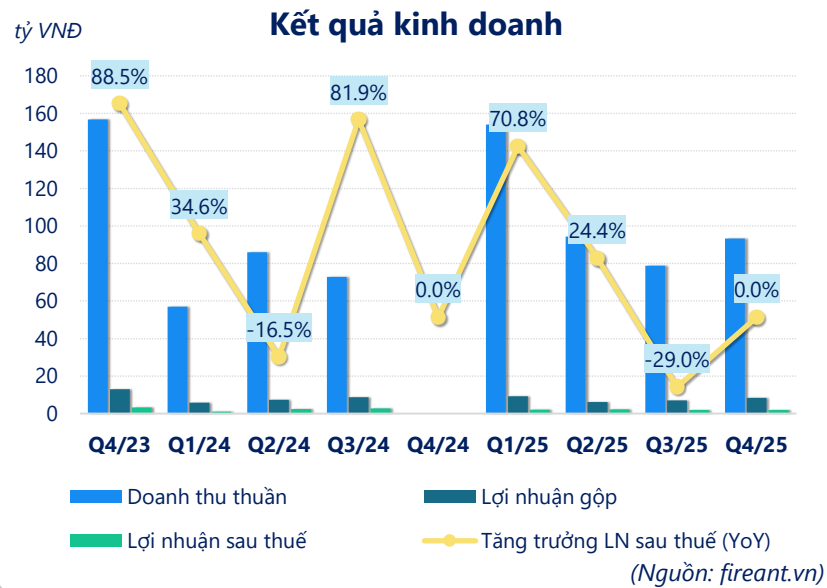


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,620
SL cổ phiếu LH		4,799,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)		580
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		60
P/E		7.4
EPS		1,696

	YTD	1T	3T	6T
PBP	3.9%	-2.3%	3.9%	3.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	132	152	-13.4%
Tài sản ngắn hạn	83.5	105	-20.4%
Tiền và tương đương tiền	35.2	3.12	1029%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	35.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	2.13	7.66	-72.2%
Hàng tồn kho	45.4	58.2	-21.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.74	0.95	-22.4%
Tài sản dài hạn	48.4	47.4	2.0%
Phải thu dài hạn	0.51	0.51	0.0%
Tài sản cố định	44.8	43.6	2.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.06	3.33	-8.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	61.9	83.6	-25.9%
Nợ ngắn hạn	53.3	74.5	-28.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.13	3.24	58.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.9	14.3	-2.8%
Nợ dài hạn	8.56	9.06	-5.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.56	9.06	-5.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	70.0	68.7	1.9%
Vốn chủ sở hữu	70.0	68.7	1.9%
Vốn điều lệ	48.0	48.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần		154	94.4	78.8	93.4
Giá vốn hàng bán		145	88.2	71.7	85.0
Lợi nhuận gộp		9.18	6.20	7.04	8.39
Doanh thu HĐTC		0.04	0.64	0.37	0.50
Chi phí TC		0.21	0.26	0.20	0.31
Chi phí lãi vay		0.21	0.26	0.20	0.31
LN trong công ty LKLD		0	0	0	0
Chi phí bán hàng		2.00	1.24	1.33	2.22
Chi phí QLDN		4.21	2.45	3.49	3.92
LN thuần từ HĐKD		2.80	2.88	2.39	2.43
Lợi nhuận khác		0.05	0	0	0.00
LN trước thuế		2.85	2.88	2.39	2.44
Lợi nhuận sau thuế		2.05	2.28	1.90	1.92
LNST của CĐ cty mẹ		2.05	2.28	1.90	1.92

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	37.7	-47.6	56.8	-5.39
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-35.4	69.9	-37.5	-2.29
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.82	-0.81	1.84	-4.26
Tiền đầu kỳ	0	3.12	4.56	26.1	47.2
Lưu chuyển tiền thuần	0	1.44	21.5	21.1	-11.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	0	4.56	26.1	47.2	35.2

(Nguồn: fireant.vn)